

Số: 21/TB-ĐHKH

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2017

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2018

Kính gửi:

Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 1 năm 2018 như sau:

I. Trình độ tiến sĩ

1. Chuyên ngành đào tạo; mã số

| TT | Chuyên ngành | Mã số |
|----|------------------------|---------|
| 1 | Đại số và Lý thuyết số | 9460104 |
| 2 | Hóa sinh học | 9420116 |
| 3 | Toán ứng dụng | 9460112 |

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

3. Điều kiện dự tuyển:

3.1. Về văn bằng

a. Có bằng thạc sĩ ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần hoặc bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) chính quy ngành đúng/ phù hợp loại giỏi trở lên.

b. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3.2. Có đề cương nghiên cứu; Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành.

3.3. Về trình độ ngoại ngữ:

Phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng TNDH hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng TNDH các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn. Cụ thể:

| TT | Chứng chỉ | Trình độ |
|----|--|--|
| 1 | TOEFL iBT | 45 - 93 |
| 2 | IELTS | 5 - 6.5 |
| 3 | Cambridge examination | CAE 45-59 PET Pass with Distinction |
| 4 | CIEP/Alliance française diplomas | TCF B2; DELF B2; Diplôme de Langue |
| 5 | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB) |
| 6 | TestDaF | TDN3- TDN4 |
| 7 | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 6 |
| 8 | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N2 |
| 9 | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2 |

II. Trình độ thạc sĩ:

1. Chuyên ngành đào tạo; mã số; môn thi

| TT | Chuyên ngành | Mã số | Môn thi | | |
|----|----------------------------------|---------|----------------------|--|---------------------------|
| | | | Cơ bản | Chủ chốt | Ngoại ngữ |
| 1 | Công nghệ sinh học | 8420201 | Toán CC thống kê | Sinh học phân tử | Tiếng Anh (trình độ B) |
| 2 | Hóa phân tích | 8440118 | Hóa học cơ bản | Cơ sở lý thuyết hóa học | |
| 3 | Phương pháp Toán sơ cấp | 8460113 | Cơ sở LT hàm số | Đại số | |
| 4 | Toán ứng dụng | 8460112 | | | |
| 5 | Quang học | 8440110 | Giải tích cho Vật lý | Cơ sở cơ học lượng tử | |
| 6 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | 8850101 | Khoa học Trái đất | Cơ sở quản lý Tài nguyên và Môi trường | |
| 7 | Văn học Việt Nam | 8220121 | Triết học | Văn học Việt Nam | |

* Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng TNĐH, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng;

- Có bằng TNĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng TNĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức);

- Có chứng chỉ tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (*xem phụ lục II, Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

2. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển

3. Điều kiện dự thi:

a. Các đối tượng được đăng ký dự thi ngay sau khi TNĐH ngành đúng/phù hợp ghi ở trong bảng dưới đây:

| TT | Chuyên ngành | Ngành TNĐH | Loại hình đào tạo - Xếp loại |
|----|----------------------------------|---|---|
| 1 | Công nghệ sinh học | - Cử nhân/Kỹ sư CNSH; - Cử nhân Sinh học; - Sinh học ứng dụng; - Cử nhân Kỹ thuật sinh học; - Sư phạm Sinh học. | - Chính quy. - VLVH; bằng thứ hai: Trung bình khá ($\geq 6,5$). |
| 2 | Hóa phân tích | - Hóa học; - Sư phạm Hóa học; - Công nghệ Hóa học; - Công nghệ Kỹ thuật hóa học; - Hóa dược; - Kỹ thuật Hóa học. | |
| 3 | Phương pháp Toán sơ cấp | - Toán học; | |
| 4 | Toán ứng dụng | - Sư phạm Toán học. | |
| 5 | Quang học | - Cử nhân Vật lý; - Sư phạm Vật lý; - Chương trình đạt chuẩn quốc tế ngành Vật lý; - Cử nhân khoa học tài năng ngành Vật lý. | |
| 6 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | - Quản lý Tài nguyên và Môi trường; - Quản lý Tài nguyên rừng; - Quản lý Tài nguyên thiên nhiên; - Lâm nghiệp cộng đồng; | |

| | | | |
|---|------------------|--|--|
| | | - Quản lý đất đai; - Khoa học môi trường; - Địa lý; - Quản lý biển; - Bảo hộ lao động. | |
| 7 | Văn học Việt Nam | - Văn học; - SP Ngữ văn; - Lí luận và phương pháp dạy văn; - Sáng tác văn học; - Ngôn ngữ học. | |

b. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận TNDH đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a. Đối tượng ưu tiên

i) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/điều động, biệt phái công tác của cơ quan có thẩm quyền); ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; iii) Con liệt sĩ; iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành; vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được UBND cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hóa học.

Người ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự thi giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

b. Mức ưu tiên

Thí sinh diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả môn tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1.0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn cơ bản.

III. Thời gian thi và nhận hồ sơ

1. Thời gian thi (dự kiến): tháng 4/2018.

2. Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 04/12/2017 đến hết ngày 10/3/2018.

Nhà trường sẽ tổ chức ôn thi cho các thí sinh có nhu cầu và bổ sung một số học phần cho những thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành gần với ngành đăng kí dự thi. Thời gian ôn thi từ ngày 10/3/2018.

IV. Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Khoa học - ĐHTN, Phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên

Có thể liên lạc tới một trong các địa chỉ sau:

- Phòng Đào tạo Trường ĐH Khoa học, ĐT: 0280.3903398; DĐ: 01254045999;
- PGS.TS. Trịnh Thanh Hải (Trưởng phòng Đào tạo), DĐ: 0916612086;
- TS. Phạm Thế Chính (Trưởng khoa Hóa học), DĐ: 0988113933;
- TS. Nguyễn Văn Đăng (Trưởng khoa Vật lý-Công nghệ), DĐ: 0983009975;
- TS. Ngô Văn Giới (Trưởng khoa KHMT&TĐ), DĐ: 0987343119;
- PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái (Trưởng khoa Văn – Xã hội), DĐ: 0913354944;
- PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy (Trưởng khoa Toán - Tin), DĐ: 0912211858;
- TS. Nguyễn Phú Hùng (Phó Trưởng khoa Công nghệ Sinh học), DĐ: 01278432886.

Thông tin tuyển sinh có thể xem trên trang web: <http://sdh.tnu.edu.vn> và <http://www.tnus.edu.vn>

Nơi nhận:

- Các sở, ban ngành, trường học;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.



GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân